

QUY ĐỊNH

**về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh,
chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy định thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;
- Căn cứ Kết luận số 121-KL/TW, ngày 24/01/2025 và Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII,

Bộ Chính trị quy định về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Quy định này quy định về phạm vi, đối tượng, mục đích, yêu cầu, quan điểm, nguyên tắc và nội dung ban hành Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị.
- Quy định này áp dụng đối với các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

- Nhằm xác định vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị, là cơ sở để thực hiện đồng bộ, thống nhất công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; là căn cứ quan trọng để xem xét việc xếp lương và phụ cấp đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị.
- Làm cơ sở để các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương cụ thể hoá, xây dựng danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý.
- Bảo đảm yêu cầu xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; sự thống nhất, tổng thể, đồng bộ, liên thông giữa các chức danh, chức vụ trong hệ thống chính trị; phù hợp tiêu chuẩn chức danh, chức vụ, vị trí việc làm của từng cơ quan, địa phương, đơn vị. Xác định chức danh, nhóm chức danh, chức vụ phải căn cứ vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức của từng địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

4. Bảo đảm tính khoa học, thực tiễn, công bằng, minh bạch, khách quan, dễ thực hiện và sự kế thừa ổn định; tiến hành thận trọng, kỹ lưỡng. Xem xét, điều chỉnh một số chức danh, chức vụ chưa hợp lý. Khắc phục những hạn chế, bất cập trong công tác cán bộ.

Điều 3. Quan điểm, nguyên tắc

1. Bảo đảm thực hiện nghiêm các chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định; phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân, trước hết là người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2. Việc sắp xếp các chức danh, chức vụ lãnh đạo phải theo nguyên tắc cấp trưởng, cấp trên trực tiếp xếp theo nhóm, bậc chức vụ nào thì cấp phó, cấp dưới trực tiếp xếp theo nhóm, bậc tương ứng. Chỉ xem xét, sắp xếp đưa vào Danh mục các chức danh, chức vụ lãnh đạo chuyên trách, không sắp xếp các chức danh kiêm nhiệm. Một người đảm nhiệm nhiều chức vụ thì lấy chức vụ cao nhất để xác định vị trí công tác.

3. Chức danh, chức vụ được xác định là tương đương khi được xếp cùng nhóm, cùng bậc, cùng hệ số phụ cấp, cùng đối tượng quản lý. Đối với các chức danh, chức vụ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý thì ngoài Quy định này còn thực hiện theo các quy định khác của Trung ương. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 4. Nội dung

Ban hành Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị gồm 4 nhóm: (1) *Nhóm I*, các chức danh lãnh đạo chủ chốt và lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước. (2) *Nhóm II*, các chức danh, chức vụ lãnh đạo thuộc diện Bộ Chính trị quản lý. (3) *Nhóm III*, các chức danh, chức vụ lãnh đạo thuộc diện Ban Bí thư quản lý. (4) *Nhóm IV*, khung chức danh, chức vụ lãnh đạo thuộc diện cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị quản lý (*Danh mục kèm theo*).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy định của Bộ Chính trị và các quy định có liên quan, các ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương rà soát, kịp thời điều chỉnh, bổ sung chức danh, chức vụ theo phân cấp quản lý; sửa đổi, hoàn thiện hệ thống các văn bản có liên quan, bảo đảm phù hợp với các quy định của Trung ương.

Đối với các chức danh, chức vụ có bậc thấp hơn chức danh, chức vụ quy định trong Danh mục thì các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tiếp tục cụ thể hoá theo thẩm quyền, bảo đảm đúng nguyên tắc, đồng bộ, thống nhất với quy định của Trung ương; phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Đảng uỷ Chính phủ chỉ đạo Chính phủ căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất, đặc điểm, quy mô, loại hình của các đơn vị sự nghiệp để cụ thể hoá, ban hành khung quy định làm cơ sở cho các địa phương, cơ quan, đơn vị cụ thể hoá theo thẩm quyền phù hợp với tình hình thực tiễn, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các quy định của Trung ương.

3. Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương chỉ đạo xây dựng Danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý, chỉ huy trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân bảo đảm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang; đồng bộ, thống nhất với chức danh, chức vụ lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

4. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy định này và báo cáo Bộ Chính trị. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, báo cáo Bộ Chính trị (qua Ban Tổ chức Trung ương) xem xét, quyết định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký, thay thế Kết luận số 35-KL/TW, ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở.

Nơi nhận:

- Các ban, cơ quan đảng ở Trung ương,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.



Trần Cẩm Tú

DANH MỤC
VỊ TRÍ CHỨC DANH, NHÓM CHỨC DANH,
CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ
(Kèm theo Quy định số 368-QĐ/TW, ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị)

Nhóm I: Các chức danh lãnh đạo chủ chốt và lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước

- Tổng Bí thư.
- Chủ tịch nước.
- Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội.
- Thường trực Ban Bí thư.

Lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

- Ủy viên Bộ Chính trị.
- Ủy viên Ban Bí thư.
- Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, trưởng ban đảng ở Trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Nhóm II: Các chức danh, chức vụ lãnh đạo thuộc diện Bộ Chính trị quản lý

1. Bậc 1

- Ủy viên Trung ương Đảng chính thức (*Ủy viên Trung ương dự khuyết đang đảm nhiệm vị trí công tác nào thì được xác định vị trí thứ bậc và hưởng các chế độ, chính sách theo chức vụ đang công tác*).
- Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, phó trưởng ban đảng ở Trung ương, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng (*là Ủy viên Trung ương Đảng*).
- Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội (*Tổng Thư ký, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội*), Tổng Kiểm toán Nhà nước.

- Bộ trưởng và thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước.

- Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là trưởng tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

- Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản.

- Bí thư tỉnh ủy, thành ủy.

- Phó Bí thư Đảng ủy của 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương (*các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương*); Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh (*là Ủy viên Trung ương Đảng*).

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bậc 2

- Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương (*không là Ủy viên Trung ương Đảng*).

- Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.

Nhóm III: Các chức danh, chức vụ lãnh đạo thuộc diện Ban Bí thư quản lý

1. Bậc 1

- Phó trưởng ban, cơ quan đảng ở Trung ương (*không là Ủy viên Trung ương Đảng*).

- Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

- Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước.

- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước.

- Thứ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

- Phó Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản.
- Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
- Phó trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương (*Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam*).
- Phó bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố.
- Phó bí thư chuyên trách của 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương (*các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương*).
- Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, gồm: Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hội Người cao tuổi Việt Nam.
- Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trợ lý các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước.
- Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương.

2. Bậc 2

- Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố.
- Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.
- Trợ lý các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

3. Bậc 3

- Trợ lý các đồng chí: Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; trưởng ban, cơ quan đảng Trung ương; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội; Chánh án Toà án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (*không là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư*).
- Bí thư Thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Nhóm IV: Khung chức danh, chức vụ lãnh đạo thuộc diện cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị quản lý

1. Bậc 1

- Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

- Phó Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.

- Phó Giám đốc - Phó Tổng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

- Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ủy viên Thường trực Tiểu ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, Phó Chủ tịch chuyên trách Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội.

- Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (không bao gồm các chức danh Chủ tịch thuộc diện Ban Bí thư quản lý).

- Phó chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương, gồm: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Hội Người cao tuổi Việt Nam.

- Ủy viên Ban Thường vụ Thành uỷ, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bậc 2

- Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thành uỷ; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố.

- Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội.

- Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Ủy viên Ban Biên tập Báo Nhân Dân, Ủy viên Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản.

- Phó bí thư chuyên trách của các đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương (*các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương*).

- Cục trưởng loại 1 thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ.

- Giám đốc Học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

- Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp hạng đặc biệt.

3. Bậc 3

- Cục trưởng loại 2, vụ trưởng, viện trưởng, chánh văn phòng, trưởng cơ quan, đơn vị thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (*được thành lập trong Nghị định hoặc Quy định*).

- Ủy viên ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

- Thư ký các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước.

- Chủ tịch Công đoàn ngành Trung ương.

- Ủy viên Ban Chấp hành 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương (*các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương*).

- Ủy viên Ban Thường vụ đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương (*các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương*).

- Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc của các đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương: Đảng bộ Chính phủ, Đảng bộ Quốc hội, Đảng bộ các cơ quan Đảng trung ương, Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương (*xếp ở bậc phù hợp với chức danh tương tự cấp trưởng cơ quan, đơn vị*).

- Ủy viên Hội đồng Biên tập - Xuất bản, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Trưởng tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bậc 4

- Cấp trưởng các đơn vị của các cơ quan trực thuộc Chính phủ.
- Cấp trưởng các đơn vị thuộc: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phó cục trưởng loại 1 thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ.
- Phó Giám đốc Học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Cấp phó đơn vị sự nghiệp hạng đặc biệt.
- Phó chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (*không bao gồm các chức danh Phó Chủ tịch Hội mà Chủ tịch thuộc diện Ban Bí thư quản lý*).
- Tổng Thư ký Liên hiệp Hội ở Trung ương.
- Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc của 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương (*các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương*).
- Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương.
- Ủy viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố.
- Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp cấp ủy cấp tỉnh.

- Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp trưởng các ban chuyên môn của hội đồng nhân dân, chánh văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là trưởng tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

5. *Bậc 5*

- Phó cục trưởng loại 2, phó vụ trưởng, phó viện trưởng, phó chánh văn phòng, cấp phó cơ quan, đơn vị thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Cấp phó đơn vị sự nghiệp thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (*được thành lập trong Nghị định hoặc Quy định*).

- Uỷ viên ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

- Thư ký các đồng chí Uỷ viên Trung ương Đảng; bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ; chủ nhiệm các uỷ ban của Quốc hội; bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ.

- Phó Chủ tịch Công đoàn ngành Trung ương.

- Uỷ viên Ban Chấp hành đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương (*các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương*).

- Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc của các đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương: Đảng bộ Chính phủ, Đảng bộ Quốc hội, Đảng bộ các cơ quan Đảng trung ương, Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương (*xếp ở bậc phù hợp với chức danh tương tự cấp phó cơ quan, đơn vị*).

- Cấp trưởng cơ quan khu vực thuộc cục thuộc bộ.

- Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cơ quan trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương (*các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương*).

- Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành uỷ Hà Nội, Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp phó các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phó Bí thư Đảng uỷ chuyên trách Đảng bộ Cơ quan Đảng, Đảng bộ Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh (*không là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố*).

- Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bí thư đảng uỷ xã, phường, đặc khu thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bậc 6

- Cấp phó các cơ quan, đơn vị của các cơ quan trực thuộc Chính phủ.

- Cấp phó các đơn vị thuộc: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp trưởng phòng thuộc Cục loại 1 thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ.

- Cấp trưởng phòng, khoa và tương đương thuộc Học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

- Cấp trưởng ban, đơn vị các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương.

- Phó Tổng Thư ký Liên hiệp Hội ở Trung ương.

- Ủy viên Uỷ ban Kiểm tra 4 đảng uỷ trực thuộc Trung ương (*các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương*).

- Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương (*các cơ quan Đảng Trung ương, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương*).

- Chi cục trưởng thuộc cục thuộc bộ.

- Ủy viên Uỷ ban Kiểm tra Thành uỷ Hà Nội, Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phó Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp cấp uỷ cấp tỉnh.

- Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp phó các ban chuyên môn của hội đồng nhân dân, phó chánh văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Phó bí thư đảng uỷ chuyên trách đảng bộ cơ quan đảng, đảng bộ uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố (*không là uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố*).

- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

- Cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh.

- Bí thư đảng uỷ xã, phường, đặc khu.

7. Bậc 7

- Cấp trưởng phòng thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Cấp trưởng phòng thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Trưởng ban Công đoàn ngành Trung ương.

- Cấp phó cơ quan khu vực thuộc cục thuộc bộ.

- Uỷ viên Ủy ban Kiểm tra đảng uỷ cấp trên trực tiếp cơ sở trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương (*các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương*).

- Phó Bí thư chuyên trách Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cơ quan trực thuộc 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương: Đảng bộ Chính phủ, Đảng bộ Quốc hội, Đảng bộ các cơ quan Đảng trung ương, Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương.

- Cấp trưởng phòng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành uỷ Hà Nội, Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp trưởng phòng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp trưởng phòng thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cấp trưởng đơn vị, cấp trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ủy viên Ban Thường vụ chuyên trách Đảng ủy các cơ quan Đảng, Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cấp trưởng cơ quan khu vực thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cấp phó các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy.
- Phó bí thư đảng ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

8. Bậc 8

- Cấp trưởng phòng và tương đương các cơ quan, đơn vị của các cơ quan trực thuộc Chính phủ.
- Cấp trưởng phòng và tương đương trực thuộc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cấp phó trưởng phòng thuộc Cục loại 1 thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ.
- Cấp phó trưởng phòng, phó trưởng khoa và tương đương thuộc Học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
- Cấp phó ban, đơn vị các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương.
- Phó chỉ cục trưởng thuộc cục thuộc bộ.
- Ủy viên Ban Thường vụ chuyên trách Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương: Đảng bộ Chính phủ, Đảng bộ

Quốc hội, Đảng bộ các cơ quan Đảng trung ương, Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương.

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, phường, đặc khu thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp trưởng cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy xã, phường, đặc khu thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp trưởng các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường, đặc khu thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ủy viên Ban Chấp hành chuyên trách Đảng ủy các cơ quan Đảng, Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp trưởng phòng thuộc các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp cấp ủy cấp tỉnh.

- Cấp trưởng phòng thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp trưởng phòng thuộc văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp trưởng đơn vị, cấp trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

- Cấp trưởng cơ quan khu vực thuộc tỉnh, thành phố.

- Ủy viên ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

- Cấp phó các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh.

- Ủy viên ban thường vụ chuyên trách đảng ủy các cơ quan đảng, đảng ủy ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

- Ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu.

9. Bậc 9

- Cấp phó trưởng phòng thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Cấp phó trưởng phòng thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc ban, cơ quan đảng Trung ương; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Phó Trưởng ban Công đoàn ngành Trung ương.

- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp phó trưởng phòng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp phó trưởng phòng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp phó trưởng phòng thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp phó đơn vị, cấp phó đơn vị sự nghiệp thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cấp phó cơ quan khu vực thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ủy viên ban chấp hành chuyên trách đảng ủy các cơ quan đảng, đảng ủy ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

- Ủy viên ban chấp hành đảng bộ xã, phường, đặc khu.

- Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc đảng ủy xã, phường, đặc khu.

- Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

- Cấp trưởng các ban chuyên môn của hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu.

- Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, đặc khu.

10. Bậc 10

- Cấp phó phòng và tương đương các cơ quan, đơn vị của các cơ quan trực thuộc Chính phủ.

- Cấp phó phòng và tương đương trực thuộc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cấp trưởng phòng các hội quân chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương.
- Ủy viên Ban Chấp hành chuyên trách Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của 4 đảng bộ trực thuộc Trung ương (*các cơ quan Đảng Trung ương; Chính phủ; Quốc hội; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương*).
- Cấp phó cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp đảng ủy xã, phường, đặc khu thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cấp phó các ban chuyên môn của Hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra đảng ủy xã, phường, đặc khu thuộc thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Cấp phó trưởng phòng thuộc các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp cấp ủy cấp tỉnh.
- Cấp phó trưởng phòng thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cấp phó trưởng phòng thuộc văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân cấp tỉnh.
- Cấp phó đơn vị, cấp phó đơn vị sự nghiệp thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.
- Ủy viên ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.
- Cấp phó cơ quan khu vực thuộc tỉnh, thành phố.
- Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, đặc khu; cấp phó các tổ chức chính trị xã, phường, đặc khu.
- Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc đảng ủy xã, phường, đặc khu.
- Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.
- Cấp phó các ban chuyên môn của hội đồng nhân dân xã, phường, đặc khu.